

Mobil SHC™ Aware™ ST Series

Dầu ống bao trục chân vịt thân thiện môi trường* dùng cho nhiều ứng dụng hàng hải



Tính năng sản phẩm

Mobil SHC™ Aware™ ST Series là các dầu ống bao trục chân vịt thân thiện môi trường*, hiệu suất tối ưu có khả năng phân hủy sinh học, độc tố rất ít và không tích tụ chất độc hại. Dầu nhờn giúp cung cấp:

- Bôi trơn vượt trội/ bảo vệ khỏi rỉ sét/ chống ăn mòn với hàm lượng nước lên tới 20%
- Khả năng chịu tải tuyệt vời
- Tương thích tốt với chất liệu đàn hồi
- Tương thích hầu hết các dầu khoáng điển hình

Dầu nhờn cung cấp sự bôi trơn vượt trội, bảo vệ chống rỉ sét / chống ăn mòn với lượng nước lên đến[†]

20%

Lợi ích tiềm năng

Mobil SHC Aware ST Series giúp:[‡]

- 1 Tối ưu hóa tuổi thọ hoạt động của thiết bị
- 2 Giảm thời gian dừng máy ngoài kế hoạch và giảm chi phí
- 3 Chi phí khắc phục và làm sạch thấp hơn trong trường hợp tràn hoặc rò rỉ dầu
- 4 Cung cấp khả năng pha trộn với hầu hết các mỡ thông thường

Dòng sản phẩm Mobil SHC Aware đáp ứng các yêu cầu về môi trường của US EPA VGP

Mobil SHC™ Aware™ ST 100 và Mobil SHC™ Aware™ ST 220 là các dầu bôi trơn thân thiện với môi trường (EAL) có công thức đặc biệt tuân theo quy định VGP 2013.*

Các ứng dụng được khuyến nghị

Hệ trục chân vịt tàu biển và bộ cánh cân bằng	✓
Hệ thống chân vịt biển bước (CPP)	✓
Các ứng dụng đòi hỏi chất bôi trơn ít độc hại và dễ dàng phân hủy sinh học	✓
Thiết bị hoạt động trong những khu vực nhạy cảm với môi trường	✓

*Dầu bôi trơn thân thiện môi trường (EALs) được định nghĩa theo U.S. Environmental Protection Agency's 2013 Vessel General Permit (VGP) là chất bôi trơn có thể phân hủy sinh học, rất ít độc hại và không tích tụ chất độc hại.

[†]Đối với hoạt động khẩn cấp chỉ chạy trong khoảng thời gian ngắn.

[‡]Được so sánh với các sản phẩm gốc khoáng thông thường.

Mobil SHC™ Aware™ ST Series

Đặc tính tiêu biểu

Mobil SHC Aware ST Series		
Cấp độ nhớt ISO	100	220
Độ nhớt, ASTM D 445		
cSt @ 40°C	100	220
cSt @ 100°C	19.3	33.3
Chỉ số độ nhớt, ASTM D 2270	205	200
Tỷ trọng ở 15°C, ASTM D4052, g/ml	0.922	0.932
Thử tải FZG, A/8.3/90, DIN ISO 14635-1, Bước tải hồng	10	11
Đặc tính chống gỉ, quy trình B, ASTM D 665	Đạt	Đạt
Điểm đông đặc, ASTM D 97, °C	-24	-12
Điểm chớp cháy (tối thiểu), ASTM D 92, °C	170	163
Khả năng phân hủy sinh học, Thoát khí CO ₂ , OECD 301 B, %	>60	>60
Độc tố cấp tính với tảo 72h EC50, OECD 201, mg/l	>1000	>1000
Độc tố cấp tính với giáp sít biển 48h EC50, OECD 202, mg/l	>1000	>1000
Độc tố cấp tính với cá 96h LC50, OECD 203, mg/l	>1000	>1000
Chất độc hại tích tụ, OECD 117, Hệ số phân chia, log KOW	<3	<3